

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NĂM 2022
TỈNH HẢI DƯƠNG

1. Giới thiệu POBI 2022

2. Kết quả khảo sát POBI 2022 tỉnh Hải Dương

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÔNG KHAI NGÂN SÁCH TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2022			
MỨC ĐỘ MINH BẠCH (CHỈ SỐ POBI 2022)		SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
XẾP HẠNG 11	10/11 Tài liệu bắt buộc được công bố	XẾP HẠNG 6	XẾP HẠNG 6
ĐIỂM XẾP HẠNG 85,55	7 Tài liệu được công bố đúng hạn	ĐIỂM XẾP HẠNG 66,67	ĐIỂM XẾP HẠNG 68,75
MỨC ĐỘ CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ	0 tài liệu công bố chậm, 0 tài liệu công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai		

Ghi chú: Trong số 11 tài liệu chấm điểm POBI 2022, chỉ có 8 tài liệu được chấm điểm tính kịp thời (công bố đúng hạn, công bố chậm, công bố quá muộn hoặc không rõ ngày công khai).

Mức độ minh bạch của ngân sách

Kết quả khảo sát POBI 2022 cho thấy tỉnh Hải Dương đã công bố **ĐẦY ĐỦ** thông tin về ngân sách nhà nước. Tổng số điểm về mức độ công khai, minh bạch của tỉnh Hải Dương đạt **85,55** điểm quy đổi, xếp hạng thứ **11** trong tổng số 63 tỉnh, thành phố khảo sát POBI 2022, **tăng 5 hạng** so với kết quả chấm POBI 2021.

Kết quả chấm POBI 2022 tỉnh Hải Dương phân theo các nhóm câu hỏi và tài liệu

Mục	Điểm POBI chưa quy	Điểm POBI 2022 quy đổi
------------	-------------------------------	-----------------------------------

	đôi ¹	
A. Trụ cột sự tham gia	400	5,63
B. Trụ cột trách nhiệm giải trình	550	7,75
C. Trụ cột minh bạch ngân sách – điểm POBI 2022	6074	85,55
Theo loại tài liệu		
1. Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình Hội đồng nhân dân tỉnh	1233	17,37
2. Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1300	18,31
3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022	375	5,28
4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022	400	5,63
5. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022	400	5,63
6. Báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022	400	5,63
7. Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	1316	18,54
8. Báo cáo ngân sách công dân năm 2023 (cho Dự toán đã được phê duyệt)	0	0,00
9. Kế hoạch Đầu tư công năm 2023	150	2,11
10. Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh năm 2022 hoặc 2023	100	1,41
11. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021	100	1,41
Theo tiêu chí đánh giá		
1. Tính sẵn có	800	11,27
2. Tính kịp thời	500	7,04
3. Tính thuận tiện	825	11,62
4. Tính đầy đủ	3283	46,24
5. Tính tin cậy	366	5,15
6. Tính liên tục	300	4,23

¹ Đã tính trọng số

Kết quả khảo sát POBI 2022 của tỉnh theo tính thuận tiện, tính sẵn có, tính kịp thời, tính đầy đủ, tính tin cậy và tính liên tục của các tài liệu ngân sách được công khai như sau:

Tính thuận tiện của tài liệu công khai

Khi tiếp cận các tài liệu ngân sách trên trang thông tin điện tử (TTĐT) của Sở Tài chính và UBND tỉnh Hải Dương, nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- Trang TTĐT sở Tài chính tỉnh Hải Dương có thư mục riêng về công khai ngân sách. Các mục được chia rõ ràng, sắp xếp theo từng năm và có nội dung cập nhật nhằm tạo thuận lợi cho việc truy cập và tìm kiếm các loại tài liệu.
- 7 tài liệu được công khai ở định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn và Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh
- 3 tài liệu được công khai ở định dạng PDF nhưng dễ dàng đọc hoặc chuyển sang định dạng word/excel, thuận tiện cho việc sử dụng, bao gồm: Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023 và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 và 2021.

Tính sẵn có của các tài liệu bắt buộc công khai

- Sở Tài chính tỉnh Hải Dương đã công khai 10/11 loại tài liệu bắt buộc, bao gồm: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm của tỉnh năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2022, Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn, Danh mục dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2023, Báo cáo tình hình nợ công của tỉnh và Báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021

- 1 loại tài liệu ngân sách không công khai, bao gồm: Báo cáo NSNN dành cho công dân năm 2023 của tỉnh

Tính kịp thời của các tài liệu bắt buộc công khai

Trong số các tài liệu ngân sách công khai được tính điểm kịp thời, có 7 tài liệu được công khai kịp thời. Cụ thể:

- 7 tài liệu được công khai kịp thời là: Báo cáo Dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 của UBND tỉnh gửi các đại biểu HĐND cấp tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q1/2022 của tỉnh, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm của tỉnh năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh Q3/2023, Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh năm 2023 và Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn.

Tính đầy đủ của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh. Báo cáo phản ánh 13 biểu (từ biểu 33 đến biểu 45) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 33/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 39/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 35 CK/NSNN có phản ánh các nguồn thu trong nội địa nhưng ít hơn 18 mục theo quy định cấu thành (Thiếu mục Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và mục Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; mục Thuế bảo vệ môi trường và mục Thu phí, lệ phí không ghi cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh chi tiết nội dung chi thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh và huyện (biểu số 44/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các khoản thu chi các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách địa phương.
- Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo phản ánh đầy đủ 13 biểu (từ biểu 46 đến biểu 58) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Biểu cân đối ngân sách (Biểu số 46/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 05 mục lớn và chi tiết các mục nhỏ. Biểu số 52/CK-NSNN phản ánh chi tiết toàn bộ nội dung các dự toán chi đầu tư cho 12 lĩnh vực theo quy định. Biểu số 48/CK-NSNN phản ánh

đầy đủ các khoản thu cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa (18 mục nhỏ) và chi tiết theo loại thuế. Báo cáo có phản ánh chi tiết các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia cho ngân sách tỉnh và huyện (Biểu số 57/CK-NSNN). Báo cáo có phản ánh dự toán cho các Quỹ TCNN ngoài ngân sách địa phương.

- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh quý 1/2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 6 tháng đầu năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh 9 tháng năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách tỉnh cả năm 2022: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 03 biểu (từ biểu 59 đến biểu 61) theo hướng dẫn của Thông tư 343. Báo cáo gồm những thông tin so sánh với số liệu dự toán ngân sách được duyệt của cả năm và tình hình thực hiện cùng kỳ năm trước. Biểu số 59/CK-NSNN phản ánh đầy đủ 04 mục lớn và các mục nhỏ theo quy định của Thông tư 343.
- Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã được HĐND tỉnh phê duyệt: Báo cáo được công khai kèm theo báo cáo thuyết minh, phản ánh đầy đủ 07 biểu (từ biểu 62 đến biểu 68) theo quy định của Thông tư 343. Biểu quyết toán cân đối ngân sách

(Biểu số 62/CK-NSNN) phản ánh đầy đủ cả 06 mục lớn và các mục nhỏ. Biểu số 63/CK-NSNN phản ánh các nguồn thu cụ thể cấu thành toàn bộ khoản thu nội địa gồm 18 nhóm thu nhỏ và chi tiết theo từng loại thuế. Biểu số 65/CK-NSNN có phản ánh đầy đủ 3 mục lớn, nhưng không chi tiết các mục nhỏ (trong mục B.II phần Chi văn hoá thông tin và Chi thể dục thể thao không cụ thể theo quy định của Thông tư 343). Báo cáo có phản ánh đầy đủ các nội dung chi đầu tư cụ thể thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện (Biểu số 68/CK-NSNN).

Tính tin cậy của các tài liệu được công khai

- Chênh lệch giữa quyết toán và dự toán tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 227%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2021 của tỉnh là 74%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh là 27%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của tỉnh là 95%, chênh lệch giữa quyết toán và dự toán chi thường xuyên của tỉnh năm 2021 của tỉnh là 7%.
- Thay đổi giữa quyết toán và dự toán năm 2021 của chi thường xuyên cho y tế và dân số là 24,5% (tăng 24,5%). Thay đổi này là phù hợp. Mức thay đổi này tăng cao hơn so với mức tăng của thay đổi giữa quyết toán và dự toán tổng chi thường xuyên năm 2021 (tăng 2,6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 0,4% (tăng 0,4%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 44,6%).
- Thay đổi giữa dự toán chi thường xuyên cho lĩnh vực y tế và dân số của tỉnh năm 2023 được HĐND tỉnh quyết định so với năm 2022 là 11,5% (tăng 11,5%). Thay đổi này là chưa phù hợp. Mức thay đổi này tăng thấp hơn so với mức tăng của thay đổi giữa tổng dự toán chi thường xuyên được HĐND tỉnh quyết định năm 2022 so với năm 2021 (tăng 44,6%).

Tính liên tục của tài liệu được công khai

- Báo cáo dự thảo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, Báo cáo dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và Báo cáo quyết toán ngân sách tỉnh (2019, 2020, 2021) được công khai trong năm năm liên tiếp.

Công khai các tài liệu được khuyến khích

- Các tài liệu khuyến khích được công khai gồm: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của tỉnh, Dự thảo kế hoạch tài chính ngân sách tỉnh 03 năm 2023 – 2025 và Kế hoạch tài chính tỉnh 05 năm 2021 – 2025.
- Các tài liệu khuyến khích nhưng không được công khai gồm: Kết quả kiểm toán ngân sách tỉnh của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021 của tỉnh và Báo cáo tài chính của tỉnh năm 2021 hoặc 2022.

Sự tham gia của người dân

- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có email để người dân liên hệ cung cấp thông tin và email này có thể sử dụng được.
- Thời gian phản hồi/ trả lời email của Sở tài chính tỉnh là sau 30 ngày hoặc không phản hồi.
- UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh không có thông báo và hướng dẫn người dân tham gia góp ý cho dự thảo dự toán ngân sách năm 2022 trình HĐND tỉnh.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có đường dẫn tới một loại công cụ mạng xã hội chính thức của tỉnh để trao đổi với người dân (Facebook, Zalo).
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo góp ý/báo cáo tổng hợp tiếp nhận ý kiến cử tri của MTTQ tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm giải trình (các câu từ 2.7 đến 2.13 và câu số 13)

- HĐND tỉnh có công khai kế hoạch giám sát thường xuyên và chuyên đề.
- HĐND tỉnh không công khai báo cáo giám sát về ngân sách.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai biên bản kỳ họp/thảo luận về dự toán và phân bổ ngân sách của tỉnh năm 2022.
- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai báo cáo thẩm tra ngân sách của Ban Kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh.

- Trên cổng TTĐT của HĐND tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp và có lịch sử hoạt động.
- Trên cổng TTĐT của sở Tài chính tỉnh có công khai thư mục hỏi đáp nhưng không có lịch sử hoạt động.
- Ngoài việc công khai dự toán NSNN của tỉnh năm 2022 qua việc tiếp xúc cử tri sau kỳ họp tháng 12/2021, sở Tài chính tỉnh không sử dụng kênh truyền thông khác để tuyên truyền phổ biến về dự toán NSNN năm 2022 tới người dân.
- Trên cổng TTĐT của UBND tỉnh, HĐND tỉnh và sở Tài chính tỉnh có công khai báo cáo kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước năm 2019, 2020 hoặc 2021.